TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19/2023/QĐST-DS	*Tân Hiệp, ngày 22 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 194/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1948

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn T , huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Thế P**, sinh năm: 1959.

Theo giấy uỷ quyền ngày 22/3/2022.

Địa chỉ: 3 Lâm K, phường L, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

- ***Bị đơn:*** 1/ Bà **Nguyễn Thị Xuân N**, sinh năm 1971

2/ Ông **Nguyễn Tấn B**, sinh năm 1969 (mất ngày 3/2/2023)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Tấn B:

- Bà **Nguyễn Thị Xuân N**, sinh năm 1971
- Chị **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm: 2001
- Anh **Nguyễn Tấn L**, sinh năm: 2002

Cùng địa chỉ: khu phố H, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là ông Trần Thế P và đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Xuân N cùng các con Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Tấn L thống nhất thoả thuận:

- Bà Nguyễn Thị Xuân N cùng các con là Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Tấn L có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 430,4 m^2 toạ lạc tại khu phố H, thị trấn H, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CM 582970 được Uỷ ban nhân dân huyện Tân Hiệp cấp ngày 18/10/2018 đứng tên bà Nguyễn Thị Đ và một căn nhà cấp 4 có tổng diện tích 230,8 m^2 (trong đó phần nhà tạm có diện tích 87,7 m^2, phần nhà chính là 143,1 m^2) được xây dựng trên phần đất nói trên theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Hiệp và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 352 - 2023, ngày 24/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp. Vị trí cụ thể như sau:

Căn nhà có hình $1'344'3'8'$ có tổng diện tích 230,8 m^2. Trong đó nhà tạm có hình $1'33'8'$ với diện tích 87,7 m^2 gồm cạnh $1' – 3$ = 16,77 m; cạnh $3 – 3'$ = 5,38 m; cạnh $3' – 8'$ = 16,77 m; cạnh $8' – 1'$ = 5,33 m và nhà chính có hình $344'3'$ với diện tích là 143,1 m^2 gồm cạnh 3 – 4 = 26,69 m; cạnh $4 – 4'$ = 5,36; cạnh $4' – 3'$ = 26,69; cạnh $3' – 3$ = 5,38 m.

Phần đất có hình 134568 với diện tích đo đạc thực tế là 430,4 m^2 gồm:

+ Cạnh 1 - 3 = 18,31 m; cạnh 3 – 4 = 26,69 m; cạnh 4 -5 = 34,80 m. Giáp đất ông Nguyễn Văn Mao.

+ Cạnh 5 - 6 = 5,50 Giáp kênh sau làng

+ Cạnh 6 - 8 = 79,85 Giáp đất ông Nguyễn Quang H

+ Cạnh 8 – 1 = 5,32 m. Giáp quốc lộ 80

- Bà Nguyễn Thị Xuân N cùng các con là Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Tấn L được quyền lưu cư trên nhà, đất nêu trên trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 01/7/2023 đến ngày 30/8/2023.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 1.130.470 đồng (Một triệu một trăm ba mươi nghìn bốn trăm bảy mươi đồng). Bà Nguyễn Thị Đ đã nộp xong.

- Về án phí sơ thẩm: Các bên thống nhất án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Do các bên đương sự đã tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên số tiền án phí sơ thẩm phải chịu là 50% x 300.000 đồng = 150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ và phía bà Nguyễn Thị Xuân N cùng các con là Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Tấn L mỗi bên chịu ½ của số tiền 150.000 đồng là 75.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1948 là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14. Do đó, bà Nguyễn Thị Đ được miễn số tiền án phí bà phải chịu là 75.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện nộp thay tiền án phí sơ sơ thẩm cho Nguyễn Thị Xuân N cùng các con là Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Tấn L số tiền 75.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thõa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND cùng cấp
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT